

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 58/2024/HNGĐ-PT

Ngày: 06-9-2024

V/v tranh chấp: “Ly hôn, chia tài sản chung khi ly hôn, chia quyền sử dụng đất chung trong hộ gia đình”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệp Thúy

Các Thẩm phán: 1/ Bà Nguyễn Thanh Nhân

2/ Ông Nguyễn Thanh Triều

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Đoàn Quốc Nam - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang:** Bà Phan Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 30 - 8 đến 06 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 37/2024/TLPT-HNGĐ ngày 24/6/2024 về việc tranh chấp: “Ly hôn, chia tài sản chung khi ly hôn, chia quyền sử dụng đất chung trong hộ gia đình”.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 293/2023/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 311/2024/QĐ-PT ngày 01 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Lê Thị S, sinh năm 1959. (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố H, thị trấn T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền giải quyết về tài sản chung và nợ chung của bà S: Chị Thái Bình Trần Thị Tường V, sinh năm 1977; (có mặt)

Địa chỉ: số 132A N, phường 3, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn R, sinh năm 1953; (*vắng mặt*)

Địa chỉ: Khu phố H, thị trấn T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Trần Thanh H, sinh năm 1964. (*có mặt*)

Địa chỉ: ấp Hòa Bình, xã Đ, huyện G Tây, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Chị Nguyễn Thị Trúc P, sinh năm 1986; (*vắng mặt*)

Địa chỉ: 206/9E Lê Văn Quới, khu phố 15, phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Chị Nguyễn Thị Nhã P, sinh năm 1990; (*vắng mặt*)

Địa chỉ: A5/22R5/1 ấp 1, xã V, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Nguyễn Văn R, sinh năm 1953

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm,

** Tại đơn xin ly hôn ngày 20/12/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị S và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà và ông R tiến đến hôn nhân từ trên cơ sở tự nguyện không có tổ chức lễ cưới, không có đăng ký kết hôn và sống chung như vợ chồng từ năm 1986. Ông bà sinh sống tại Khu phố H, thị trấn T, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Quá trình chung sống hạnh phúc đến tháng 9 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông R có người phụ nữ khác, từ đó không cho bà và các con về nhà sinh sống, ngoài ra không còn nguyên nhân khác. Từ đó đến nay bà và ông R không còn sống chung, cũng không liên hệ hàn gắn tình cảm. Nay tình cảm không còn bà yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn R.

- *Về con chung:* Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Trúc P, sinh năm 1986, Nguyễn Thị Nhã P, sinh năm 1990 hiện các con đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết.

- *Về tài sản chung:* Trong quá trình chung sống, vợ chồng ông bà có tạo lập được thửa đất số 221, tờ bản đồ số 9, diện tích 76,4m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00838 cấp ngày 14/02/2003 cấp cho hộ ông Nguyễn Văn

R đất tọa lạc tại khu phố H, thị trấn T, huyện G, tỉnh Tiền Giang và 01 căn nhà cấp 4 trên đất hiện nay ông R đang quản lý sử dụng. Tại phiên tòa, về tài sản chung bà có thay đổi yêu cầu như sau: Trước đây, bà S yêu cầu được nhận $\frac{1}{4}$ diện tích thửa đất số 221, tờ bản đồ số 9, diện tích 76,4m² giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00838 cấp ngày 14/02/2003 cấp cho hộ ông Nguyễn Văn R đất tọa lạc tại khu phố H, thị trấn T, huyện G, tỉnh Tiền Giang nay bà yêu cầu nhận $\frac{1}{4}$ diện tích thửa đất số 221 là 18,15m², theo diện tích đo đạc thực tế là 72,6m², bà S yêu cầu nhận đất. Về căn nhà bà S yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà và yêu cầu nhận bằng hiện vật, bà sẽ hoàn lại $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà là 36.970.600 đồng theo biên bản định giá ngày 06/7/2022 của Hội đồng định giá huyện G cho ông R do bà cho rằng các tài sản nêu trên là tài chung chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân.

- Về nợ chung: Không có.

* Bị đơn ông Nguyễn Văn R trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà S yêu cầu ly hôn ông đồng ý.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Trúc P, sinh năm 1986, Nguyễn Thị Nhã P, sinh năm 1990 hiện các con đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Thửa đất số 221, tờ bản đồ số 9, diện tích 76,4m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00838 cấp ngày 14/02/2003 cấp cho hộ ông Nguyễn Văn R đất tọa lạc tại khu phố H, thị trấn T, huyện G, tỉnh Tiền Giang có nguồn gốc là do anh ruột ông tên Nguyễn Văn Bảy Nhỏ, sinh năm 1948 tặng cho ông năm 2002 nên ông xác định đây là tài sản riêng của ông và ông không đồng ý chia thửa đất này theo yêu cầu của bà S, chị Trúc P, chị Nhã P. Về căn nhà trên thửa đất 221 đây là căn nhà do ông và bà S cùng tạo lập diện tích khoảng 60m², ông đồng ý với yêu cầu của bà S, ông và bà S sẽ nhận $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà và mỗi bên sẽ nhận bằng hiện vật.

- Về nợ: Ông có đứng tên vay khoản vay 80.000.000 đồng cho chị Trúc P và có thể chấp Ngân hàng thửa đất số 221 để đảm bảo cho khoản vay. Đối với phần nợ vay của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam –

Chi nhánh G hiện nay chị P đã trả nợ xong và Ngân hàng đã trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00838 cấp ngày 14/02/2003 của thửa đất đất số 221, tờ bản đồ số 9, diện tích 76,4m² cho hộ ông, hiện nay ông đang giữ giấy này.

** Đại diện ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Trúc P, chị Nguyễn Thị Nhã P trình bày:* Đối với yêu cầu khởi kiện của bà S về quan hệ hôn nhân, về con chung, chị Trúc P, chị Nhã P không có ý kiến gì.

Về tài sản chung: Hộ gia đình được cấp thửa đất số 221, tờ bản đồ số 9, diện tích 76,4m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00838 cấp ngày 14/02/2003 cấp cho hộ ông Nguyễn Văn R đất tọa lạc tại khu phố H, thị trấn T, huyện G, tỉnh Tiền Giang và 01 căn nhà cấp 4 trên đất. Đối với căn nhà trên thửa đất 221 chị Trúc P, chị Nhã P không có ý kiến gì do đó là tài sản do cha mẹ tạo lập. Đối với quyền sử dụng đất cấp cho hộ là thửa đất số 221 chị Trúc P, Nhã P yêu cầu xem xét và phân chia cho chị Trúc P và chị Nhã P mỗi người được hưởng ¼ diện tích thuộc thửa đất này. Tuy nhiên, chị Trúc P, Nhã P có thay đổi yêu cầu như sau: Các chị yêu cầu được nhận ¼ diện tích thửa đất nêu trên là 18,15m² theo diện tích đo đạc thực tế là 72,6m², yêu cầu nhận đất và tặng lại cho bà Lê Thị S.

Về nợ: Trước đây, chị Trúc P có nhờ ông R là đại diện hộ đứng tên vay của Ngân hàng số tiền là 80.000.000 đồng và xác định đây là khoản nợ vay riêng chị, chị đã trả xong khoản vay còn nợ cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh G và hiện nay Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh G đã trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00838 cấp ngày 14/02/2003 cấp cho hộ ông Nguyễn Văn R đất tọa lạc tại Khu phố H, thị trấn T, huyện G cho ông R nên chị Trúc P không có ý kiến gì về việc này.

Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 293/2023/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 55; khoản 2, khoản 5 Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 1, khoản 1 Điều 2,

Điều 20 của Luật đất đai năm 1993; Điều 118, Điều 690 Bộ luật dân sự năm 1995; Điều khoản 1 Điều 12; khoản 2, điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị S.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận việc bà Lê Thị S và ông Nguyễn Văn R thuận tình ly hôn.

1.2. Về tài sản chung:

- Bà Nguyễn Thị S được quyền quản lý, sử dụng phần đất diện tích 36,3m², loại đất ở đô thị và căn nhà tọa lạc trên thửa đất số 221, tờ bản đồ số 9 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00838 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 14/02/2003 cấp cho hộ ông Nguyễn Văn R đất tại khu phố H, thị trấn T, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Phần đất có các bên tiếp giáp như sau:

Đông giáp đất Đỗ Thanh P

Tây giáp phần còn lại của thửa 221

Nam giáp Nguyễn Văn Sơn, Nguyễn Văn G

Bắc giáp Đường Võ Duy L

(có trích đo bản đồ địa chính khu đất kèm theo)

- Bà Nguyễn Thị S có nghĩa vụ giao lại cho ông Nguyễn Văn R số tiền 254.770.600 đồng (trong đó gồm có: ½ giá trị căn nhà là 36.970.600 đồng và giá trị chênh lệch của 18,15m² đất là 217.800.000 đồng). Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Trúc P, chị Nguyễn Thị Nhã P.

Chị Nguyễn Thị Trúc P, chị Nguyễn Thị Nhã P mỗi người được được quyền quản lý, sử dụng phần đất diện tích 18,15m², loại đất ở đô thị thuộc thửa đất số 221, tờ bản đồ số 9 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00838 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 14/02/2003 cấp cho hộ ông Nguyễn Văn R đất tại khu phố H, thị trấn T, huyện G, tỉnh Tiền Giang và ghi nhận việc chị Nguyễn Thị Trúc P, chị Nguyễn Thị Nhã P tặng cho quyền quản lý, sử dụng phần đất diện tích đất nêu trên cho bà Nguyễn Thị S. Phần đất có các bên tiếp giáp như sau:

Đông giáp phần còn lại của thửa 221

Tây giáp đất Nguyễn Thái Mỹ Đ

Nam giáp đất Nguyễn Văn G

Bắc giáp Đường Võ Duy L

(có trích đo bản đồ địa chính khu đất kèm theo)

Các đương sự được quyền liên hệ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Ngày 24/7/2024, bị đơn ông Nguyễn Văn R có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 293/2023/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết chia phần nhà chung theo giá nhà nước thẩm định. Ông sẽ trả bằng tiền một lần. Riêng phần đất do anh trai của ông cho riêng ông nên không đồng ý chia.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Đại diện ủy quyền của ông Nguyễn Văn R vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Ông R không đồng ý chia nhà và đất cho bà S và hai con vì thửa đất 221 là tài sản riêng của ông được ông Nguyễn Văn Bảy Nhỏ cho vào năm 2002.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến: Về tố tụng việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét kháng cáo của ông R, nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm xác định thửa đất số 221 là tài sản của hộ gia đình và chia cho ông R $\frac{1}{4}$ giá trị nhà, đất cho ông R là chưa đúng quy định pháp luật. Thời điểm cấp GCNQSDĐ chỉ Trúc P, Nhã P còn nhỏ đang đi học nên không có công sức đóng góp vào khối tài sản chung nên cần xác định phần đất thửa 221 và căn nhà là tài sản chung của ông R, bà S. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông R, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện G.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Xét đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn R nộp trong thời hạn, đúng qui định tại Điều 271, 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự, nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ: “Tranh chấp Ly hôn, chia tài sản chung” theo qui định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự là đúng qui định.

[2] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn R yêu cầu xác định thửa đất số 221 là tài sản riêng của ông, nhận thấy: Trong quá trình chung sống giữa bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Văn R thì ông R, bà S có tạo lập được tài sản gồm: Thửa đất số 221, tờ bản đồ 9, diện tích 76,4m², loại đất ở nông thôn; thửa đất 221 do ông Nguyễn Văn R đại diện hộ gia đình đứng tên quyền sử dụng đất; 01 căn nhà có kết cấu cột bê tông, vách tường, nền gạch, mái tole.

Ông R kháng cáo cho rằng nguồn gốc đất do anh ruột là ông Nguyễn Văn Bảy Nhỏ cho riêng ông vào năm 2002, còn bà S thì cho rằng nguồn gốc đất do vợ chồng tạo lập trong thời gian chung sống. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, cả ông R, bà S đều không cung cấp được tài liệu chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình.

Xét thấy: Căn cứ công văn số 618/CNVPĐKĐĐ ngày 10/6/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện G; công văn số 1375/VPĐKĐĐ ngày 30/6/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Tiền Giang xác định không tìm thấy hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 221. Do đó, căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00838 cấp ngày 14/2/2003 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp cho hộ ông Nguyễn Văn R xác định là tài sản được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân của ông R và bà S.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định thửa đất 221 là tài sản chung của hộ gia đình. Và chia cho ông R $\frac{1}{4}$ giá trị đất là chưa phù hợp qui định. Bởi lẽ, thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2003 hộ ông R có 04 thành viên gồm bà Nguyễn Thị S, ông Nguyễn Văn R, Nguyễn Thị Trúc P, Nguyễn Thị Nhã P. Thời điểm này chị Trúc P, Nhã P chưa đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa, đại diện ủy quyền của bà S cũng thừa nhận thời điểm năm 2003 chị Trúc P, Nhã P còn đang đi học, không có đóng góp công sức trong khối tài sản chung. Do đó, không có căn cứ xác định thửa đất 221 là tài sản chung của hộ gia đình mà phải xác định là tài sản chung của ông R, bà S nên cần chia cho ông R $\frac{1}{2}$ thửa đất 221.

Các bên đương sự trình bày thống nhất từ năm 2020 thì bà S không còn ở trong căn nhà trên mà cùng với chị Trúc P, Nhã P đi sống nơi khác. Ông R là người sống trong căn nhà đến nay và ông R cũng không có nhà đất nào khác. Do đó, cần giao nhà, đất cho ông R tiếp tục quản lý sử dụng, ông R có nghĩa vụ hoàn giá trị nhà, đất cho bà S theo biên bản định giá ngày 06/7/2022 là 472.570.000 đồng (36.970.000 đồng + 435.600.000 đồng).

Từ các phân tích trên, xét kháng cáo của ông R có cơ sở một phần nên được chấp nhận. Quan điểm đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Văn R. Sửa án sơ thẩm số 293/2023/HNGĐ-ST ngày 18/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện G.

Căn cứ Khoản 3 Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 12, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận việc bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Văn R thuận tình ly hôn.

1.2. Về tài sản chung:

1.2.1. Xác định tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân giữa ông R và bà S là quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận số 00838 do UBND huyện G cấp ngày 14/02/2003 cho hộ ông Nguyễn Văn R thửa đất số 221, tờ bản đồ số 9, diện tích 76,4m² (diện tích theo đo đạc thực tế là 72,6m²), loại đất ở đô thị, tại khu phố H, thị trấn T, huyện G, tỉnh Tiền Giang và căn nhà gắn liền đất có giá trị 73.941.200 đồng (theo biên bản định giá ngày 06/7/2022 của Hội đồng định giá huyện G).

- Giao ông Nguyễn Văn R được tiếp tục quản lý sử dụng thửa đất số 221, tờ bản đồ số 9; diện tích 76,4m² (diện tích đo thực tế là 72,6m²) tại khu phố H, thị trấn T, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận số 00838 do UBND huyện G cấp ngày 14/02/2003 cho hộ ông Nguyễn Văn R và căn nhà trên đất có kết cấu theo biên bản định giá ngày 06/7/2022. (Có sơ đồ kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 15/7/2022)

- Buộc ông Nguyễn Văn R có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Thị S giá trị nhà và đất với số tiền 472.570.000đồng (Bốn trăm bảy mươi hai triệu, năm trăm bảy mươi ngàn đồng). Thực hiện ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi chậm trả của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

[2]. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Trúc P, chị Nguyễn Thị Nhã P về việc yêu cầu chia thừa đất số 221, tờ bản đồ số 9, diện tích 76,4 tại khu phố H, thị trấn T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

[3]. Về án phí:

Ông Nguyễn Văn R, bà Nguyễn Thị S được miễn án phí hôn nhân sơ thẩm, phúc thẩm và án phí chia tài sản.

Chị Nguyễn Thị Trúc P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp 860.000đồng theo biên lai thu số 0007546 ngày 20/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G nên được hoàn lại 560.000 đồng.

Chị Nguyễn Thị Nhã P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp 860.000 đồng theo biên lai thu số 0007545 ngày 20/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G nên được hoàn lại 560.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Án tuyên lúc 14 giờ ngày 06/9/2024 có mặt Đại diện Viện kiểm sát./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Nguyễn Thanh Nhân – Nguyễn Thanh Triều****Nguyễn Thị Diệp Thúy*****Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện G;
- CCTHADS huyện G ;
- Phòng KTNV & THA TAT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Nguyễn Thị Diệp Thúy**